Trường THPT Anh Son 3
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 1

THỜI KHOÁ BIỂU số 1

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 15 tháng 09 năm 2025

THỨ	TIẾT	10C1 (Hằng)	10C2 (L. Huệ)	10C3 (ThuS)	10C4 (Lê)	10C5 (Vinh)	10C6 (Linh)	10C7 (Quý)	10C8 (Bình)	11C1 (Hường V)	11C2 (HươngT)	11C3 (Thu V)
2	1	HĐTNHN - Hằng	HĐTNHN - L. Huệ	HĐTNHN - ThuS	HĐTNHN - Lê	HĐTNHN - Vinh	HĐTNHN - Linh	HĐTNHN - Quý	HĐTNHN - Bình	HĐTNHN - Hường V	HĐTNHN - HươngT	HĐTNHN - Thu V
	2	Toán học - Hằng	GDCD - Hà	Ngữ văn - L. Huệ	Lịch sử - ThuS	Địa lí - Linh	TNHN - Sáng	Toán học - Thông	Vật lí - Bình	Vật lí - Tài	Ngữ văn - Hường V	Toán học - HươngT
	3	Sinh học - Lam	Công nghệ trồng trọt - Nga	Toán học - Hằng	Vật lí - Lịch	Hóa học - Quý	Địa lí - Linh	Ngữ văn - Toại	Toán học - Thuần	Ngữ văn - Hường V	GDCD - Q. Anh	Công nghệ chăn nuôi - H. Thanh
	4	GDCD - Q. Anh	Toán học - Thuần	TNHN - Toàn	Ngoại ngữ - Lê	Vật lí - Lịch	Công nghệ trồng trọt - H. Thanh	TNHN - Thuyên	Ngữ văn - Toại	Toán học - Yến	Địa lí - Phong	Ngữ văn - Thu V
	5	Công nghệ trồng trọt - Lam	Lịch sử - ThuS	Vật lí - Tâm	GDCD - Hà	Toán học - Thuần	Toán học - Toản	Vật lí - Bình	Ngoại ngữ - Lê	Địa lí - Phong	Toán học - HươngT	Ngữ văn - Thu V
3	1	Vật lí - Tài	Ngữ văn - L. Huệ	Thể dục - Hùng	Ngữ văn - Vinh	TNHN - Thùy	Toán học - Toản	Ngoại ngữ - Nguyệt	Tin học - Dung	GDCD - Q. Anh	Ngữ văn - Hường V	TNHN - Tú
	2	Lịch sử - ThuS	Thể dục - Hùng	Ngoại ngữ - Nguyệt	Ngữ văn - Vinh	Toán học - T. Tuấn	Hóa học - Quý	GDCD - Hà	Ngữ văn - Toại	Ngữ văn - Hường V	Công nghệ - Tú	Ngoại ngữ - Toàn
	3	Sinh học - Lam	GDCD - Hà	Toán học - Hằng	Địa lí - Phong	Ngữ văn - Vinh	Địa lí - Linh	Ngữ văn - Toại	Hóa học - Quý	Công nghệ - Tú	Toán học - HươngT	Ngữ văn - Thu V
	4	Toán học - Hằng	Sinh học - Lam	Tin học - Dung	TNHN - Thùy	Lịch sử - Hiệp	Ngữ văn - L. Huệ	Vật lí - Bình	Sinh học - Nga	Vật lí - Tài	Ngoại ngữ - Toàn	Toán học - HươngT
	5	Ngoại ngữ - Nguyệt	Công nghệ trồng trọt - Nga	Lịch sử - ThuS	Toán học - Hằng	Công nghệ trồng trọt - H. Thanh	Ngữ văn - L. Huệ	Hóa học - Quý	TNHN - Bình	Toán học - Yến	Địa lí - Phong	Lịch sử - Hiệp
4	1	GDCD - Q. Anh	GDCD - Hà	Toán học - Hằng	Địa lí - Phong	Ngoại ngữ - Sáng	Ngoại ngữ - Nguyệt	Toán học - Thông	Toán học - Thuần	Ngoại ngữ - Thuyên	Ngoại ngữ - Toàn	Thể dục - Nam
	2	TNHN - Thùy	Toán học - Thuần	GDCD - Hà	Toán học - Hằng	Vật lí - Lịch	Toán học - Toản	Ngữ văn - Toại	Thể dục - Hoàn	Địa lí - Phong	Thể dục - Nam	Ngoại ngữ - Toàn
	3	Vật lí - Tài	Ngoại ngữ - Lê	Lịch sử - ThuS	GDCD - Hà	Toán học - T. Tuấn	Tin học - Dung	Ngoại ngữ - Nguyệt	Ngữ văn - Toại	Thể dục - Nam	Ngữ văn - Hường V	GDCD - Q. Anh
	4	Thể dục - Hoàn	Vật lí - Tâm	Địa lí - Phong	Ngoại ngữ - Lê	Ngữ văn - Vinh	Ngữ văn - L. Huệ	Thể dục - Nam	Tin học - Dung	Toán học - Yến	TNHN - Đông	Sinh học - Lam
	5	Ngữ văn - Toại	Sinh học - Lam	Ngữ văn - L. Huệ	Ngữ văn - Vinh	Địa lí - Linh	Lịch sử - Hiệp	GDCD - Hà	Ngoại ngữ - Lê	Ngữ văn - Hường V	Vật lí - Lịch	Địa lí - Đông
5	1	Ngoại ngữ - Nguyệt	Ngoại ngữ - Lê	Ngữ văn - L. Huệ	Toán học - Hằng	Ngữ văn - Vinh	Thể dục - Tr. Thắng	Thể dục - Nam	Toán học - Thuần	Địa lí - Phong	Lịch sử - Hiệp	Công nghệ chăn nuôi - H. Thanh
	2	Ngữ văn - Toại	Ngữ văn - L. Huệ	Toán học - Hằng	Tin học - Dung	Ngữ văn - Vinh	Ngoại ngữ - Nguyệt	Lịch sử - Hiệp	Sinh học - Nga	Thể dục - Nam	Địa lí - Phong	Địa lí - Đông
	3	Toán học - Hằng	Ngữ văn - L. Huệ	Vật lí - Tâm	Vật lí - Lịch	Thể dục - Tr. Thắng	Toán học - Toản	Sinh học - Nga	Ngoại ngữ - Lê	Ngoại ngữ - Thuyên	Toán học - HươngT	Sinh học - Lam
	4	GDCD - Q. Anh	TNHN - Thùy	Ngoại ngữ - Nguyệt	Thể dục - Tr. Thắng	Toán học - Thuần	Hóa học - Quý	Toán học - Thông	Vật lí - Bình	Lịch sử - Hiệp	Công nghệ - Tú	Toán học - HươngT
	5	Công nghệ trồng trọt - Lam	Toán học - Thuần	GDCD - Hà	Ngữ văn - Vinh	Ngoại ngữ - Sáng	Tin học - Dung	Ngoại ngữ - Nguyệt	Hóa học - Quý	GDCD - Q. Anh	Vật lí - Lịch	Ngữ văn - Thu V
6	1	Toán học - Hằng	Vật lí - Tâm	Thể dục - Hùng	Thể dục - Tr. Thắng	Ngoại ngữ - Sáng	Công nghệ trồng trọt - H. Thanh	Hóa học - Quý	Thể dục - Hoàn	Công nghệ - Tú	Toán học - HươngT	GDCD - Q. Anh
	2	Thể dục - Hoàn	Thể dục - Hùng	Tin học - Dung	Địa lí - Phong	Thể dục - Tr. Thắng	Ngữ văn - L. Huệ	Ngữ văn - Toại	Hóa học - Quý	Ngữ văn - Hường V	Thể dục - Nam	Ngoại ngữ - Toàn
	3	Ngoại ngữ - Nguyệt	Ngữ văn - L. Huệ	Địa lí - Phong	Toán học - Hằng	Hóa học - Quý	Thể dục - Tr. Thắng	Toán học - Thông	Lịch sử - ThuS	Toán học - Yến	GDCD - Q. Anh	Thể dục - Nam
	4	Ngữ văn - Toại	Toán học - Thuần	Ngoại ngữ - Nguyệt	Ngoại ngữ - Lê	Công nghệ trồng trọt - H. Thanh	Địa lí - Linh	GDCD - Hà	Vật lí - Bình	Ngoại ngữ - Thuyên	Ngoại ngữ - Toàn	Địa lí - Đông
	5	Ngữ văn - Toại	Ngoại ngữ - Lê	Ngữ văn - L. Huệ	Tin học - Dung	Địa lí - Linh	Ngoại ngữ - Nguyệt	Sinh học - Nga	Toán học - Thuần	TNHN - Đông	Ngữ văn - Hường V	Toán học - HươngT
7	1											
	2											
	3											
	4											
	5											

11C4 (Đ. Huệ)	11C5 (Hành)	11C6 (Tài)	11C7 (Lịch)	11C8 (Yến)	12C1 (Hóa)	12C2 (Khanh)	12C3 (Nga)	12C4 (Lan)	12C5 (Tâm)	12C6 (Khánh)	12C7 (Túc)	12C8 (G. Thanh)
HĐTNHN - Đ. Huệ	HĐTNHN - Hành	HĐTNHN - Tài	HĐTNHN - Lịch	HĐTNHN - Yến	HĐTNHN - Hóa	HĐTNHN - Khanh	HĐTNHN - Nga	HĐTNHN - Lan	HĐTNHN - Tâm	HĐTNHN - Khánh	HĐTNHN - Túc	HĐTNHN - G. Thanh
Sinh học - Lam	Ngữ văn - Đ. Huệ	Lịch sử - Lanh	Thể dục - Nam	Hóa học - Trường	Toán học - Khánh	Ngữ văn - Khanh	Ngữ văn - Hương V	Sinh học - Nga	Toán học - Lan	Tin học - Ngân	Hóa học - G. Thanh	Ngoại ngữ - Thùy
Ngữ văn - Đ. Huệ	Hóa học - Trường	Ngữ văn - Thu V	Ngoại ngữ - Toàn	Ngoại ngữ - Thuyên	Ngoại ngữ - Thùy	Thể dục - L. Thắng	Lịch sử - Lanh	GDCD - Hà	Công nghệ - Hóa	Toán học - Khánh	Ngoại ngữ - Sáng	Tin học - Ngân
Toán học - Thông	TNHN - Nguyệt	Thể dục - Nam	Toán học - HươngT	Vật lí - Tú	Thể dục - L. Thắng	Ngoại ngữ - Sáng	Sinh học - Nga	Lịch sử - Lanh	Vật lí - Tâm	Ngữ văn - Hương V	Ngữ văn - Khanh	Toán học - Khánh
GDCD - Q. Anh	Lịch sử - Lanh	Vật lí - Tài	Hóa học - Trường	Toán học - Yến	Ngữ văn - Thủy	Toán học - Lan	Công nghệ LNTS - H. Thanh	Ngoại ngữ - Thùy	Tin học - Ngân	Ngữ văn - Hương V	Sinh học - Túc	Hóa học - G. Thanh
Thể dục - Nam	Tin học - Ngân	Ngoại ngữ - Thuyên	Toán học - HươngT	Sinh học - Lam	Lịch sử - Lanh	Vật lí - Hóa	Ngữ văn - Hương V	Toán học - Lan	Vật lí - Tâm	Toán học - Khánh	Ngữ văn - Khanh	Thể dục - L. Thắng
Địa lí - Đông	Ngoại ngữ - Thuyên	Thể dục - Nam	TNHN - Lịch	Tin học - Ngân	Vật lí - Hóa	Toán học - Lan	Thể dục - L. Thắng	Công nghệ LNTS - H. Thanh	Ngữ văn - Hương V	Vật lí - Tâm	Ngữ văn - Khanh	Ngoại ngữ - Thùy
Lịch sử - Hiệp	Toán học - Yến	Vật lí - Tài	Ngữ văn - Hường V	Thể dục - Nam	GDCD - Q. Anh	Lịch sử - Lanh	Công nghệ LNTS - H. Thanh	Ngữ văn - Khanh	Thể dục - L. Thắng	Hóa học - Quang	Tin học - Ngân	Sinh học - Túc
GDCD - Q. Anh	Thể dục - Nam	Toán học - Thông	Vật lí - Lịch	Toán học - Yến	Địa lí - Đông	GDCD - Hà	Ngoại ngữ - Sáng	Lịch sử - Lanh	Lịch sử - ThuS	Ngữ văn - Hương V	Toán học - Toản	Toán học - Khánh
Toán học - Thông	Vật lí - Tú	Ngữ văn - Thu V	Ngoại ngữ - Toàn	Ngoại ngữ - Thuyên	Toán học - Khánh	Địa lí - Đông	Toán học - Toản	Địa lí - Linh	Công nghệ - Hóa	Ngoại ngữ - Sáng	Sinh học - Túc	Ngữ văn - Toại
Địa lí - Đông	Công nghệ - Hành	TNHN - Tài	Vật lí - Lịch	Toán học - Yến	Ngữ văn - Thủy	Toán học - Lan	Địa lí - Linh	Ngoại ngữ - Thùy	Thể dục - L. Thắng	Lịch sử - Lanh	Toán học - Toản	Hóa học - G. Thanh
Toán học - Thông	Toán học - Yến	Ngoại ngữ - Thuyên	Tin học - Dung	Lịch sử - Hiệp	Ngữ văn - Thủy	Ngoại ngữ - Sáng	Lịch sử - Lanh	Thể dục - L. Thắng	Toán học - Lan	Ngữ văn - Hương V	Hóa học - G. Thanh	Toán học - Khánh
Ngữ văn - Đ. Huệ	Tin học - Ngân	Toán học - Thông	Sinh học - Lam	Hóa học - Trường	Toán học - Khánh	Ngữ văn - Khanh	Toán học - Toản	Toán học - Lan	Ngữ văn - Hương V	Công nghệ - Hóa	Thể dục - L. Thắng	Vật lí - Hành
Ngoại ngữ - Thuyên	Vật lí - Tú	Vật lí - Tài	Ngữ văn - Hường V	Ngữ văn - Đ. Huệ	Lịch sử - Lanh	Ngữ văn - Khanh	Ngoại ngữ - Sáng	Địa lí - Linh	Ngoại ngữ - Thùy	Tin học - Ngân	Vật lí - Hành	Thể dục - L. Thắng
TNHN - Tú	Ngữ văn - Đ. Huệ	Tin học - Dung	Hóa học - Trường	Tin học - Ngân	Ngoại ngữ - Thùy	Vật lí - Hóa	Ngữ văn - Hương V	Ngữ văn - Khanh	Vật lí - Tâm	Hóa học - Quang	Lịch sử - ThuS	Sinh học - Túc
Ngữ văn - Đ. Huệ	Toán học - Yến	Hóa học - Trường	Tin học - Dung	Ngoại ngữ - Thuyên	Công nghệ - Bình	Ngoại ngữ - Sáng	Toán học - Toản	GDCD - Hà	Ngoại ngữ - Thùy	Thể dục - L. Thắng	Hóa học - G. Thanh	Vật lí - Hành
Công nghệ chăn nuôi - H. Thanh	Hóa học - Trường	Công nghệ - Hành	Sinh học - Lam	Toán học - Yến	GDCD - Q. Anh	Công nghệ - Bình	Thể dục - L. Thắng	Ngữ văn - Khanh	Hóa học - G. Thanh	Ngoại ngữ - Sáng	Toán học - Toản	Toán học - Khánh
Toán học - Thông	Ngữ văn - Đ. Huệ	Ngữ văn - Thu V	Thể dục - Nam	Vật lí - Tú	Ngoại ngữ - Thùy	Địa lí - Đông	Ngữ văn - Hương V	Ngữ văn - Khanh	Toán học - Lan	Lịch sử - Lanh	Ngoại ngữ - Sáng	Ngữ văn - Toại
Ngoại ngữ - Thuyên	Ngữ văn - Đ. Huệ	Ngữ văn - Thu V	Vật lí - Lịch	Thể dục - Nam	Địa lí - Đông	Lịch sử - Lanh	GDCD - Hà	Công nghệ LNTS - H. Thanh	Ngữ văn - Hương V	Toán học - Khánh	Thể dục - L. Thắng	Ngữ văn - Toại
Lịch sử - Hiệp	Ngoại ngữ - Thuyên	Toán học - Thông	Toán học - HươngT	TNHN - Tú	Ngữ văn - Thủy	Ngữ văn - Khanh	Sinh học - Nga	Toán học - Lan	Ngữ văn - Hương V	Vật lí - Tâm	Vật lí - Hành	Lịch sử - Lanh
Ngoại ngữ - Thuyên	Thể dục - Nam	Toán học - Thông	Lịch sử - Lanh	Sinh học - Lam	Địa lí - Đông	Toán học - Lan	GDCD - Hà	Ngoại ngữ - Thùy	Lịch sử - ThuS	Thể dục - L. Thắng	Vật lí - Hành	Tin học - Ngân
Công nghệ chăn nuôi - H. Thanh	Công nghệ - Hành	Hóa học - Trường	Toán học - HươngT	Vật lí - Tú	Thể dục - L. Thắng	GDCD - Hà	Ngoại ngữ - Sáng	Toán học - Lan	Tin học - Ngân	Công nghệ - Hóa	Lịch sử - ThuS	Lịch sử - Lanh
Sinh học - Lam	Ngoại ngữ - Thuyên	Tin học - Dung	Hóa học - Trường	Ngữ văn - Đ. Huệ	Công nghệ - Bình	Địa lí - Đông	Địa lí - Linh	Thể dục - L. Thắng	Ngoại ngữ - Thùy	Vật lí - Tâm	Toán học - Toản	Hóa học - G. Thanh
Thể dục - Nam	Vật lí - Tú	Công nghệ - Hành	Ngữ văn - Hường V	Ngữ văn - Đ. Huệ	Vật lí - Hóa	Thể dục - L. Thắng	Lịch sử - Lanh	Sinh học - Nga	Toán học - Lan	Toán học - Khánh	Ngoại ngữ - Sáng	Ngoại ngữ - Thùy
Ngữ văn - Đ. Huệ	Toán học - Yến	Ngoại ngữ - Thuyên	Ngoại ngữ - Toàn	Hóa học - Trường	Toán học - Khánh	Công nghệ - Bình	Toán học - Toản	Lịch sử - Lanh	Hóa học - G. Thanh	Ngoại ngữ - Sáng	Tin học - Ngân	Vật lí - Hành